ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 3537 /QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 09 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Theo Văn bản số 7180/UBND-KT ngày 13/9/2024 của UBND tỉnh về việc khai thác đá vật liệu xây dựng tại xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân để thi công gói thầu 11-XL, Dự án cao tốc Bắc – Nam; Văn bản số 7376/UBND-KT ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh về việc khai thác đất san lấp trong phạm vi công trình khu cải táng xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1168/TTr-STNMT ngày 03/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh tại Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh.

Các khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được quy hoạch khai thác khoáng sản để cung cấp nguyên vật liệu phục vụ xây dựng các công trình sử dụng ngân sách Nhà nước và dự án khai thác khoáng sản trong phạm vi đầu tư xây dựng công trình *(cụ thể như Phụ lục đính kèm)*

Điều 2.

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

- Triển khai, công bố công khai khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh tại trụ sở làm việc; sao gửi tài liệu kết quả cho các Sở, ngành có liên quan, UBND huyện Hoài Ân và UBND huyện Tuy Phước theo quy định.

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, UBND huyện Hoài Ân và UBND huyện Tuy Phước tham mưu đề xuất UBND tỉnh cấp phép hoạt động khoáng sản không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản nêu trên theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Giao UBND các huyện Hoài Ân và UBND huyện Tuy Phước căn cứ khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, tổ chức công tác quản lý hoạt động khoáng sản theo đúng quy định của Luật Khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này bổ sung Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Hoài Ân, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh
- Cục KS Việt Nam;
- Chi Cục KS miền Trung;
- Lưu: VT, K4, K14.

Số: 3537/QĐ-UBND
Thời gian ký: 09/10/2024 22:47:52 +07:00

Phụ lục

CÁC ĐIỂM MỎ VẬT LIỆU BỔ SUNG VÀO KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ THUỘC THẨM QUYỀN CẤP PHÉP CỦA UBND TỈNH

Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh

TT	Số hiệu điểm mỏ	Vị trí	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 KTT 108°15', múi 3°		Diện tích (m2)	Cơ sở pháp lý
				X(m)	Y(m)		
1	Lý trình: Km20+0.00-:-Km20+440	xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân	T-1	1578077,434	582349,569	48.956,31	Theo Văn bản số 7180/UBND-KT ngày 13/9/2024 của UBND tỉnh
			T-2	1578083,852	582395,421		
			T-3	1578062,955	582438,641		
			T-4	1577959,97	582510,393		
			T-5	1577931,663	582502,791		
			T-6	1577883,481	582545,334		
			T-7	1577830,861	582533,436		
			T-8	1577711,596	582567,866		
			P-1	1578023,797	582270,61		
			P-2	1577904,808	582374,305		
			P-3	1577862,148	582418,841		
			P-4	1577684,004	582503,598		
2	Khu cải táng xã Phước Thuận	xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	R1	1.531.413,98	601.523,77	2.400	Theo Văn bản số 7376/UBND-KT ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh
			R2	1.531.406,94	601.500,22		
			R3	1.531.500,62	601.456,00		
			R4	1.531.487,56	601.492,163		